

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 985 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Cầu Gãy - Đá Hang,
xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 03/01/2018 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quy định phân công, phân cấp Quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;



D

Căn cứ Quyết định số 804/QĐ- UBND ngày 02/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự toán chi phí các công việc thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị dự án để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Cầu Gãy - Đá Hang, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 772/UBND-KTTH ngày 16/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý tiếp tục áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng công trình theo Quyết định số 30/2016/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương thực hiện các hạng mục công trình chống hạn bằng nguồn kinh phí thu tiền năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1859/TTr-SXD ngày 19/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với những nội dung như sau:

1. Tên công trình: Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Cầu Gãy - Đá Hang, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh.

3. Mục tiêu đầu tư: Nhằm đảm bảo khả năng cung cấp nước sinh hoạt liên tục cho nhu cầu sử dụng của người dân xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, đồng thời nâng cao hiệu quả phục vụ nước sinh hoạt cho toàn vùng dự án theo đúng công suất thiết kế của hệ thống cấp nước Cầu Gãy và hệ thống cấp nước Mỹ Tường - Đá Hang.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Mở rộng một số tuyến đường ống hệ thống cấp nước Cầu Gãy - Đá Hang, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải với tổng chiều dài 4.491,3m; sử dụng ống uPVC có đường kính ngoài D110mm dày 5,3mm và ống uPVC có đường kính ngoài D75mm dày 3,6mm. Trong đó:

- Tuyến ống VH1 có chiều dài 168,9m; sử dụng ống uPVC D75mm dày 3,6mm.

- Tuyến ống VH2 có chiều dài 135,9m; sử dụng ống uPVC D75mm, dày 3,6mm.

- Tuyến ống TA1 có chiều dài 1.214,1m; sử dụng ống uPVC D110mm dày 5,3mm.

- Tuyến ống TA2 có chiều dài 2.118,9m; sử dụng ống uPVC D75mm dày 3,6mm.

- Tuyến ống MH1 có chiều dài 853,5m; sử dụng ống uPVC D110mm dày 5,3mm.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh.

6. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Ông Cao Văn Vinh.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

8. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

9. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng:

- QCVN 07-1:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình cấp nước.

- TCXDVN 33-2006: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5502:2003: Nước cấp sinh hoạt - Yêu cầu chất lượng.

- TCVN 9398:2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung.

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- Các tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn ngành khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư: **1.169.517.815 đồng.**

Trong đó:

Chi phí xây dựng: 952.318.255 đồng;

Chi phí quản lý dự án: 23.920.503 đồng;

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 123.158.722 đồng;

Chi phí khác: 14.429.011 đồng;

Chi phí dự phòng: 55.691.325 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp kinh phí do Sở Xây dựng thẩm định và xác lập tại Văn bản số 1858/SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 19/6/2020).

11. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn kinh phí thu tiền nước năm 2020 của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh (theo Văn bản số 1169/UBND-KTTH ngày 08/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.



(Handwritten signature)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu VT. Huy



**KT. CHỦ TỊCH
THO CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: MỞ RỘNG MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG ỒNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CÀU GẦY - ĐÁ
XÂY DỰNG HANG, XÃ VINH HẢI, HUYỆN NINH HẢI.

(Đính kèm theo Văn bản số /SXD-QLHĐXD&HTKT ngày 19/6 /2020 của Sở Xây dựng)



Stt	Khoản mục chi phí	Cách tính	Hệ số (Ki)	Thành tiền
I	Chi phí xây dựng	$G = G1 + G2$		865.743.868
1	Phần xây dựng	G1		280.276.216
2	Phần lắp đặt	G2		585.467.652
	THUẾ GTGT	$GTGT = G \times 10\%$		86.574.387
II	Chi phí xây dựng	$G_{XD} = G + GTGT$		952.318.255
III	Chi phí quản lý dự án	$G_{QLDA} = G \times Ki$	2,763%	23.920.503
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	$G_{TV} = TV1 + \dots + TV5$		123.158.722
1	Chi phí khảo sát địa hình	TV1 = Bảng tính		39.655.988
2	Chi phí giám sát khảo sát địa hình	TV2 = TV1 x Ki	4,072%	1.614.792
3	Chi phí lập Báo cáo Kinh tế-kỹ thuật	TV3 = G x Ki x 1,1	5,800%	55.234.459
4	Chi phí lập HSYC&PTĐG hồ sơ đề xuất TCXL	TV4 = G x Ki x 60% x 1,1	0,388%	2.216.997
5	Chi phí giám sát thi công xây lắp	TV5 = G x Ki x 1,1	2,566%	24.436.486
V	Chi phí khác	$G_K = K1 + \dots + K5$		14.429.011
1	Phí thẩm định Báo cáo KT-KT	$K1 = TMĐT \times Ki$	0,019%	228.000
2	Chi phí thẩm định HSDX&TĐKQLC thi côngXL	K2 = (tối thiểu)		2.000.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	$K3 = G \times Ki \times 1,1$	0,217%	2.066.531
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	$K4 = TMĐT \times Ki$	0,570%	6.840.000
5	Chi phí kiểm tra nghiệm thu hoàn thành công trình	K5 = (bảng tính)		3.294.480
VI	Tổng cộng	$TZ = G_{XD} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$		1.113.826.491
VII	Chi phí dự phòng	$DP = TZ \times Ki$	5,00%	55.691.325
VIII	Tổng mức đầu tư xây dựng công trình	TMĐT		1.169.517.816

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Khắc Hoan

NGƯỜI TỔNG HỢP

Bùi Kế Tường